

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 08 /2022/DS-ST

Ngày: 24/10/2022

V/v: *Tranh chấp chia di sản
thừa kế là quyền sử dụng đất
và tài sản gắn liền với đất*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hà Thu
2. Ông Lê Sỹ Quyền

Th- ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Lê Thị Thu - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương- Kiểm sát viên

Hôm nay ngày 24/10/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc: *Tranh chấp chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXX-DS ngày 12/9/2022. Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/DSST- QĐ ngày 27/9/2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Bùi Thị H - sinh năm 1991

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Bị đơn:*** Anh Bùi Văn Đ - sinh năm 1993

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Lê Thị H - sinh năm 1966

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Bùi Thị D - sinh năm 1986

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

3. Chị Bùi Thị H - sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, Thị xã H, tỉnh Nghệ An

Người được chị H ủy quyền: Bà Lê Thị H - sinh năm 1966

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2022)

Tại phiên tòa có mặt các bên đương sự

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản khai cũng như các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Bố mẹ chị là ông Bùi Văn D và bà Lê Thị H sinh được 04 người con gồm: Bùi Thị D, Bùi Thị H, Bùi Thị H và Bùi Văn Đ.

Khi bố chị còn sống, bố chị là ông Bùi Văn D và mẹ chị là bà Lê Thị H có tạo lập được khối tài sản chung gồm nhà đất tại phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và đã được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 989806 ngày 08/7/2008, diện tích 331m² trong đó có 200m² đất ở và 131m² đất cây lâu năm, tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 mang tên ông Bùi Văn D và bà Lê Thị H cùng ngôi nhà mái bằng bố mẹ xây dựng từ năm 1997(hiện nay đã xuống cấp) và bếp, công trình phụ, bán bình xây dựng năm 2013. Bố chị do bị bệnh hiểm nghèo đã mất vào ngày 15/3/2014 (âm lịch), tức ngày 14/4/2014 (dương lịch) theo trích lục khai tử số 11 ngày 17/4/2014 do UBND thị trấn T, huyện Q cấp ngày 28/4/2022.

Bố chị mất không để lại di chúc, chỉ để lại quyền sử dụng đất và nhà như nêu trên. Do mâu thuẫn trong gia đình giữa mẹ, con không có tiếng nói chung, em trai chị là Bùi Văn Đ thường xuyên chửi bới, xúc phạm, đánh đuổi mẹ chị, không cho mẹ ở trong căn nhà mà do chính mẹ chị và bố chị tạo dựng nên, bản thân chị cũng là một thành viên trong gia đình, là con của ông D bà H nhưng cũng bị đuổi ra khỏi nhà, hiện nay mẹ chị và chị phải đi thuê ở nơi khác. Gia đình đã tổ chức họp và cũng đã đề nghị UBND thị trấn hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị có mong muốn được hưởng phần thừa kế di sản là quyền sử dụng đất của bố mất đi để lại cùng với mẹ chị, để sau này mẹ con có nơi ăn ở ổn định cuộc sống và chị xin được hưởng tài sản của bố bằng đất ở và đất cây lâu năm theo qui định của pháp luật.

Chị được biết theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất là 331m² (trong đó có 200m² đất ở và 131m² đất cây lâu năm), nhưng quá trình giải quyết qua xem xét đo vẽ kiểm tra hiện trạng thực tế diện tích đất hiện nay chỉ còn là 327,5m², chị đề nghị tòa án chia theo diện tích đất thực tế phần đất của bố chị cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, phần của chị, chị xin được hưởng bằng đất, nhưng chị có nguyện vọng nếu như 1/2 phần đất của bố chia cho 05 người thì mỗi người được hưởng 32,75m² đất, phần chị được hưởng 32,75m² đất (trong đó có 20m² đất ở và 12,75m² đất cây lâu năm) cũng không thể ở được nên phần của chị, chị tự nguyện tặng cho mẹ chị là bà H được hưởng 25,40m² (trong đó 20m² đất ở và 5,40m² đất cây lâu năm) giáp với kỹ phần của bà Hải được hưởng và giáp với phần đất là tài sản riêng của bà H để bà H đủ điều kiện tách thửa đất theo qui định của pháp luật. Còn lại 7,35m² đất cây lâu năm của chị được hưởng chị tự nguyện tặng cho em Đ được hưởng để em Đ có đủ điều kiện tách thửa và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định.

Về nhà trên đất: Nhà mái bằng bố mẹ xây dựng từ năm 1997 hiện nay đã quá cũ nát, xuống cấp, hội đồng đã xuống kiểm tra thực tế, đã hết khấu hao sử dụng, không còn giá trị nên chị không yêu cầu phân chia. Đối với phần tài sản là bếp, công trình phụ và bán bình lợn tôn bố mẹ xây dựng trên đất mà hội đồng kiểm tra và định giá nếu có để phân chia thì phần của chị được hưởng giá trị công trình nổi chị không lấy mà tự nguyện cho mẹ chị là bà H được hưởng.

** Tại các bản khai và các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn anh Bùi Văn Đ trình bày:*

Bố mẹ anh là Bùi Văn D và Lê Thị H sinh ra được 04 người con gồm: chị Bùi Thị D, chị Bùi Thị H, chị Bùi Thị H và anh là Bùi Văn Đ. Năm 2014 bố anh Bùi Văn D mất không để lại di chúc chỉ để lại 01 mảnh đất tại B với diện tích $500m^2$ và nhà đất tại phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Ba chị D, Hg, H đi lấy chồng ở nơi khác, còn mình anh ở lại sinh sống trong căn nhà của bố mẹ anh tại phố Đ, thị trấn T. Nay chị H có đơn khởi kiện chia di sản là nhà và quyền sử dụng đất mà bố anh mất đi để lại tại phố Đ, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, anh không đồng ý, anh đề nghị để lại căn nhà và mảnh đất do bố tạo dựng nên để làm tài sản chung của tất cả thành viên trong gia đình, anh cũng không giữ làm tài sản riêng của anh, vì nếu phân chia sẽ không có chỗ thờ cúng bố anh và bản thân anh cũng không có điều kiện xây nhà thờ cho bố anh vì gia đình khó khăn. Nếu chị H muốn phân chia tài sản của bố là ông Bùi Văn D anh đồng ý chia mảnh đất ở trong B, phần anh được hưởng anh cho chị H, còn nhà đất tại Đ, thị trấn T anh không đồng ý chia mà để làm tài sản chung.

**Tại các bản khai và các tài liệu có trong hồ sơ ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:*

Bà và ông Bùi Văn D kết hôn với nhau ngày 16/10/1985 và sinh được 04 người con: Bùi Thị D, Bùi Thị H, Bùi Thị H, Bùi Văn Đ. Chồng bà là ông Bùi Văn D đã mất vào ngày 15/3/2014 (âm lịch) tức ngày 14/4/2014 (dương lịch) do bệnh nặng. Bố mẹ ông D là ông Bùi Hữu T mất năm 1994, bà Lê Thị P mất năm 1990 (có giấy chứng tử). Quá trình chung sống bà và ông D có tạo lập được khối tài sản chung gồm nhà đất tại phố Đông Đa 2, Thị trấn T, huyện Qg, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 989806 ngày 08/7/2008, diện tích $331m^2$ trong đó có $200m^2$ đất ở và $131m^2$ đất cây lâu năm, tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 mang tên ông Bùi Văn D và bà Lê Thị H đồng sở hữu. Các con bà 03 gái, 01 trai đều đã lập gia đình riêng. Bà và gia đình con trai là Bùi Văn Đ cùng con gái là Bùi Thị H (chị H do ly hôn về ở với bà) cùng ở chung trong ngôi nhà tại phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Từ khi ông D mất gia đình luôn xảy ra mâu thuẫn, anh Đ luôn đe dọa chửi bới và đuổi bà ra khỏi nhà, bản thân đã già, không có sức kháng cự, bị con đuổi ra khỏi nhà không có nơi ở đang phải đi thuê nhà. Hiện nay di sản thừa kế của ông Bùi Văn D để lại là 1/2 giá trị tài sản là nhà đất tại địa chỉ: phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Do bà và các con không cùng nhau thống nhất phân chia 1/2 di sản là quyền sử dụng đất của ông D mất đi để lại, nên bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết theo qui định của pháp luật, xác định 1/2 diện tích đất ở và đất cây lâu năm là tài sản của riêng của bà, còn 1/2 diện tích đất ở và đất cây lâu năm là di sản thừa kế của ông Bùi Văn D mất đi để lại chia cho các kỹ phần được hưởng thừa kế theo pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các bên, bà đề nghị tòa án xem xét giải quyết cho bà được hưởng tài sản của chồng bằng đất ở và đất cây lâu năm. Nay bà được biết diện tích đất hiện nay được hội đồng xuống kiểm tra đo thực tế còn là $327,5m^2$, bà đề nghị chia theo thực tế hiện nay. Việc con gái bà là Bùi Thị H tự nguyện cho bà phần đất được hưởng thừa kế của bố bà xin nhận.

Về nhà trên đất: Nhà mái bằng vợ chồng bà xây dựng từ năm 1997 hiện nay đã quá cũ nát, xuống cấp, hội đồng đã xuống kiểm tra thực tế, đã hết khấu hao sử dụng, không còn giá trị nên bà không yêu cầu phân chia. Đối với phần tài sản là bếp, công trình phụ và bán bình lợp tôn bà và ông D xây dựng làm lại năm 2013 (trước khi ông D mất), hội đồng kiểm tra và định giá nếu có giá trị để phân chia thì phần của bà, bà xin được hưởng, phần cháu H và H cho bà thì bà xin nhận.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị D trình bày:*

Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án về việc chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện anh Bùi Văn Đ đề nghị tòa án chia di sản thừa kế của bố chị là ông Bùi Văn D mất đi để lại, chị không đồng ý bởi lý do: Bố chị mất từ năm 2014 cho đến tháng 3/2021 mẹ chị là bà Lê Thị H đã đi thêm bước nữa, nên việc thờ cúng bố chị do em trai Bùi Văn Đ chịu trách nhiệm. Trong tài sản mẹ chị bà H kê khai chị thấy vẫn còn thiếu, bố chị lúc còn sống có mua 01 mảnh đất 15m chiều ngang, tổng bao nhiêu m² chị không rõ lắm, nhưng có nhờ em trai mẹ chị là Lê Thiên T trong B mua và giờ khi bố chị mất chị cũng không được biết đến diện tích đất đó nữa và trong gia đình còn có 80m² đất ruộng sao chị không thấy kê khai. Việc chị H khởi kiện đòi chia đất của bố chị mất đi để lại, chị không đồng ý mà để đó làm tài sản chung ai cũng có thể ở, nguyện vọng của chị để lại nhà đất đó để thờ cúng bố chị, không chia cho bất kỳ ai.

**Tại các bản khai và các tài liệu có trong hồ sơ ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị H ủy quyền cho bà Lê Thị H trình bày:*

Bố mẹ chị là ông Bùi Văn D và bà Lê Thị H, bố mẹ chị sinh được 04 người con gồm: Bùi Thị D, Bùi Thị H, Bùi Thị H và Bùi Văn Đ. Lúc bố chị còn sống, bố chị là ông Bùi Văn D và mẹ chị là bà Lê Thị Hải có tạo lập được khối tài sản chung gồm nhà đất tại phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và đã được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 989806 ngày 08/7/2008, diện tích 331m² trong đó có 200m² đất ở và 131m² đất cây lâu năm, tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 mang tên ông Bùi Văn D và bà Lê Thị H. Bố chị đã mất vào ngày 14/4/2014 (dương lịch) không để lại di chúc. Từ khi bố mất gia đình luôn xảy ra mâu thuẫn, các chị em không đồng nhất ý kiến, thường xuyên cãi vã gây mâu thuẫn trong gia đình, em trai Bùi Văn Đ chửi bới, đánh đuổi mẹ chị ra khỏi nhà. Do mâu thuẫn gia đình không giải quyết được, nay chị H có đơn khởi kiện chia thừa kế 1/2 quyền sử dụng nhà đất của bố chị là ông D mất đi để lại chị đồng ý, chị đề nghị tòa án chia theo diện tích đất thực tế phần đất của bố chị cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, phần của chị xin được hưởng bằng đất, nhưng chị xét thấy em Đ là con trai duy nhất trong gia đình, hiện nay đang sống trên mảnh đất của bố mẹ, hoàn cảnh cũng khó khăn nên phần đất của chị được hưởng theo pháp luật chị xin từ chối nhận phần di sản bằng đất được hưởng theo sự phân chia của Tòa, phần của chị được hưởng chị tự nguyện tặng cho em Đ được hưởng. Rất mong tòa chấp nhận nguyện vọng của chị, chị cam kết không thắc mắc, tranh chấp hay khiếu nại gì.

Về nhà trên đất: Nhà mái bằng bố mẹ xây dựng từ năm 1997 hiện nay đã quá cũ nát, xuống cấp, hội đồng đã xuống kiểm tra thực tế, đã hết khấu hao sử dụng, không còn giá trị nên chị không yêu cầu phân chia. Đối với phần tài sản là

bếp, công trình phụ và bán bình lợp tôn bố mẹ xây dựng trên đất mà hội đồng kiểm tra và định giá nếu có để phân chia thì phần của chị được hưởng giá trị công trình nổi chị không lấy mà tự nguyện cho mẹ chị là bà H được hưởng, chị không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như chị đã trình bày
- Bà H cũng giữ nguyên quan điểm bà đã trình bày cũng như quan điểm của chị H ủy quyền cho bà, bà vẫn giữ nguyên

- Chị D: vẫn giữ nguyên quan điểm như chị đã trình bày. Trường hợp nếu phải phân chia theo pháp luật, phần chị được hưởng chị không cho ai và chị xin được hưởng bằng đất.

- Anh Đ: vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án chia đôi mảnh đất, anh được quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ nhà đất để làm nơi thờ cúng, còn $\frac{1}{2}$ nhà đất thì chia cho các hàng thừa kế, phần của anh được hưởng anh không nhận.

* Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án và đương sự đã tuân thủ đúng theo qui định của luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết cũng nh- xét xử vụ án.

Về đường lối: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147 BLTTDS. Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649; Điều 651; Điều 660 BLDS 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H về việc chia di sản thừa kế của ông Bùi Văn D.

- Chia $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 163,75m² (trong đó, gồm 100m² đất ở và 63,75m² đất cây lâu năm) và tài sản trên đất của ông Bùi Văn D cho các đồng thừa kế gồm 05 người: Bà Hải, chị D, chị H, chị H, anh Đ tại địa chỉ thửa đất phố Đông Đa 2, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo qui định của pháp luật.

- Về án phí: Người được hưởng di sản thừa kế phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của bố chị là ông Bùi Văn D mất đi để lại. Căn cứ qui định khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định đây là tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ông Bùi Văn D mất ngày 14/4/2014 không để lại di chúc và di sản để lại chưa chia. Ngày 18/11/2021 chị Bùi Thị Hồng có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế, tại khoản 1 Điều 623 BLDS qui định: "*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế*". Như vậy, yêu cầu chia di sản thừa kế của chị H vẫn còn thời hiệu khởi kiện để xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu giải quyết: Ông Bùi Văn D và bà Lê Thị H là vợ chồng, kết hôn với nhau năm 1985, trong thời gian chung sống ông bà có tạo lập được khối tài sản là nhà đất tại địa chỉ thửa đất phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa đã được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 989806 ngày 08/7/2008, diện tích 331m² trong đó có 200m² đất ở và 131m² đất cây lâu năm, tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7, mang tên ông Bùi Văn D và bà Lê Thị H và ngôi nhà mái bằng ông bà xây dựng từ năm 1997 (hiện nay đã xuống cấp) cùng bếp, công trình phụ, bán bình lợp tôn làm năm 2013. Hiện nay theo tài liệu tòa án kiểm tra hiện trạng thực tế diện tích đất là 327,5m² tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Năm 2014 ông D chết không để lại di chúc, do trong gia đình không đồng ý với cách phân chia di sản thừa kế của ông D nên xảy ra tranh chấp, chị H (con gái ông D, bà H) khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông D là phù hợp với qui định tại Điều 649, 650 của BLDS.

[3]. Về di sản thừa kế:

[3.1]. Các đương sự đều thống nhất ông D, bà H trong thời gian chung sống có tạo lập được khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất tại phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa đã được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 989806 ngày 08/7/2008, diện tích 331m² trong đó có 200m² đất ở và 131m² đất cây lâu năm, tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7, mang tên ông Bùi Văn D và bà Lê Thị H và ngôi nhà mái bằng ông bà xây dựng từ năm 1997 (hiện nay đã xuống cấp) cùng bếp, công trình phụ, bán bình lợp tôn làm năm 2013. Ngày 26/4/2022 Tòa án đã thành lập Hội đồng tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất thực tế mà hiện nay gia đình đang quản lý sử dụng có diện tích đất là 327,5m² tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7, địa chỉ phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và ngôi nhà mái bằng diện tích 57,15m² ông bà xây dựng từ năm 1997 (hiện nay đã xuống cấp) cùng bếp, công trình phụ, bán bình lợp tôn xây dựng năm 2013. Cùng ngày Tòa án đã mời Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Q tiến hành định giá tài sản, xác định: đất ở: theo giá thị trường là: 10.000.000đ/1m²; Đất cây lâu năm theo đơn giá của Nhà nước là :27.000đ/m². Đối với phần tài sản là nhà trên đất: 01 ngôi nhà mái bằng ông bà xây dựng từ năm 1997 (hiện nay đã xuống cấp) giá trị 0 đồng; về bếp, công trình phụ xây năm 2013 trị giá: 11.129.000đ; Bán bình lợp tôn xây dựng năm 2013 trị giá: 519.000đ. Vì vậy, xác định tài sản trên của ông D, bà H được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, do vậy được xem là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng ông D, bà H theo qui định tại Điều 213 BLDS 2015 và Điều 33 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 612 BLDS xác định di sản của ông D là 1/2 trong số tài sản chung nêu trên, cụ thể:

[3.2]. Phần bà H được được xác định trong khối tài sản chung của ông D và bà H là $1/2$ được tính là: $327,5m^2 : 2 = 163,75m^2$ (trong đó, gồm $100m^2$ đất ở và $63,75m^2$ đất cây lâu năm). Vị trí thửa đất nằm ở phía Bắc mảnh đất, có tứ cận như sau: phía Tây giáp đường thôn; phía Đông giáp hộ ông Đỗ Xuân Q; phía Nam giáp đất chia cho bà được hưởng theo phần thừa kế; phía Bắc giáp hộ ông Bùi Sỹ V. Diện tích thửa đất được mô tả tại Thửa số 1(chi tiết các cạnh có sơ đồ kèm theo), được định vị bởi các mốc từ M3 đến M4 đến M5 đến M6 đến M3.

[3.3]. Xác định di sản của ông D mất đi để lại là $1/2$ trong số tài sản chung được tính là: $327,5m^2 : 2 = 163,75m^2$ (trong đó, gồm $100m^2$ đất ở và $63,75m^2$ đất cây lâu năm). Đất có giá trị là: 1.001.721.250đ. Diện tích đất này sẽ được xem xét chia cho các hàng thừa kế theo pháp luật.

[4]. Về hàng thừa kế: Căn cứ vào lời khai và thừa nhận của các bên cũng như các tài liệu thu thập trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định: Ông D và bà H có 04 người con là chị Bùi Thị D, Bùi Thị H, Bùi Thị H và Bùi Văn Đ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 BLDS thì hàng thừa kế thứ nhất của ông D gồm 05 người: bà Lê Thị H, chị Bùi Thị D, Bùi Thị H, Bùi Thị H và Bùi Văn Đ sẽ được hưởng di sản của ông D.

[5]. Đối với anh Đ và chị D ngoài việc không đồng ý chia di sản thừa kế của bố mất đi để lại tại Đ, thị trấn T như nêu trên, cả hai còn đề nghị xem xét chia di sản thừa kế của ông D diện tích đất ở B và đất ruộng. Thấy rằng: Căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS qui định "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*". Trong vụ án này chị Hồng có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất ở và đất cây lâu năm tại Đ, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án chỉ thụ lý và giải quyết đối với yêu cầu này của chị Hồng. Theo Điều 199, 200 BLTTDS qui định "*Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có)*" và "*Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*". Đối với yêu cầu của chị D và anh Đ xem xét chia đất ở Bình Thuận, tuy nhiên kể từ thời điểm thụ lý cho đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị D, anh Đ không có đơn yêu cầu phản tố nộp cho Tòa án để xem xét và cũng không cung cấp chứng cứ minh mảnh đất tại B có hay không. Vì vậy, yêu cầu này của chị D, anh Đ không được xem xét, giải quyết trong vụ án này, mà dành quyền khởi kiện cho chị D, anh Đ trong vụ án khác nếu có yêu cầu và có căn cứ.

[6]. Về phân chia di sản thừa kế: căn cứ Điều 650, 660 BLDS do ông D chết không để lại di chúc, vì vậy phần di sản là quyền sử dụng đất của ông D được xác định là: $163,75m^2$ (trong đó, gồm $100m^2$ đất ở và $63,75m^2$ đất cây lâu năm) sẽ được chia 05 phần cho những người thừa kế: gồm bà Hải, chị D, chị H, chị H, anh Đ, chia theo theo phần thì mỗi kỹ phần được hưởng là $32,75m^2$ (trong đó, gồm $20m^2$ đất ở và $12,75m^2$ đất cây lâu năm). Căn cứ Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 và Quyết định 4655/2017/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa qui định về diện tích thửa đất được

phép tách thửa, phải đảm bảo thửa đất còn lại và các thửa đất được hình thành sau khi tách thửa có diện tích, kích thước cạnh tối thiểu đối với đất ở địa bàn xã đồng bằng tối thiểu là $50m^2$ và kích thước cạnh tối thiểu là 4m. Với qui định này thì diện tích đất ở chia cho mỗi kỹ phần là không đáp ứng yêu cầu tối thiểu để tách thửa theo qui định và khó thực hiện chia theo hiện vật là đất. Tuy nhiên, chị H và chị H là người được hưởng thừa kế của ông D đã từ chối nhận di sản thừa kế, phần chị H được hưởng tự nguyện cho anh Đ, phần chị H được hưởng chị tự nguyện cho anh Đ $7,35m^2$ đất cây lâu năm để anh Đ đủ điều kiện tách thửa theo qui định và phần còn lại của chị H tự nguyện của bà H $25,40m^2$ đất (trong đó, gồm $20m^2$ đất ở và $5,40m^2$ đất cây lâu năm). Bà H đồng ý nhận lại kỹ phần từ chị H. Xét đề nghị của chị H và chị H là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật và đủ điều kiện để anh Đ được tách thửa theo qui định, nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện của chị H, chị H.

[7]. Hiện nay anh Đ đang trực tiếp sinh sống trên mảnh đất này, nên chia anh Đ được hưởng bằng đất để anh có nơi sinh sống ổn định và phần đất anh được sử dụng phải đủ điều kiện để tách thửa và để cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chia anh Đ phần di sản thừa kế cho anh bằng đất, cụ thể: Phần anh được hưởng là $32,75m^2$ đất (gồm $20m^2$ đất ở và $12,75m^2$ đất cây lâu năm), ngoài ra anh còn được hưởng $32,75m^2$ đất (gồm $20m^2$ đất ở và $12,75m^2$ đất cây lâu năm) là phần đất của chị H tự nguyện cho anh; $7,35m^2$ đất cây lâu năm chị H tự nguyện cho anh, tổng là $72,85m^2$ (gồm $40m^2$ đất ở và $32,85m^2$ đất cây lâu năm). Với diện tích đất trên thì anh Đ cũng không đủ điều kiện để tách thửa, nên kỹ phần của chị D được hưởng là $32,75m^2$ (gồm $20m^2$ đất ở và $12,75m^2$ đất cây lâu năm) sẽ không chia cho chị D được hưởng bằng đất vì với diện tích đất này chị D cũng không đủ điều kiện tách thửa, hơn nữa chị đi lấy chồng và có chỗ ở ổn định, vì vậy để tạo điều kiện cho anh Đ có đủ diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên giao phần diện tích đất chị D được hưởng cho anh Đ và anh Đ phải có trách nhiệm giao lại cho chị D giá trị bằng tiền của diện tích đất này được tính là 200.344.250đ.

[8]. Từ những phân tích nêu trên: Chia phần đất cho anh Đ được hưởng (bao gồm cả kỹ phần của anh; chị H, chị H cho anh và của chị D). Tổng anh được hưởng là $105,60m^2$ đất (trong đó, gồm $60m^2$ đất ở và $45,60m^2$ đất cây lâu năm), nhưng anh phải có trách nhiệm chênh lệch lại cho chị D giá trị bằng tiền của phần đất chia cho chị D là 200.344.250đ. Giá trị thành tiền anh được hưởng là 400.886.950đ (trừ đi phần tiền giao lại cho chị D). Vị trí thửa đất giao cho anh Đ được hưởng nằm ở phía Nam mảnh đất, có tứ cận như sau: phía Tây giáp đường thôn; phía Đông giáp hộ ông Đỗ Xuân Q; phía Nam giáp đất hộ ông Phan Đình T; phía Bắc giáp phần đất bà H được hưởng. Diện tích thửa đất được mô tả tại Thửa số 3 (chi tiết các cạnh có sơ đồ kèm theo), được định vị bởi các mốc từ M1 đến M2 đến M7, đến M8, đến M1.

[9]. Chia cho bà H được hưởng $32,75m^2$ đất (gồm $20m^2$ đất ở và $12,75m^2$ đất cây lâu năm) và phần chị Hồng cho bà $25,40m^2$ đất (trong đó, gồm $20m^2$ đất ở và $5,40m^2$ đất cây lâu năm). Tổng bà được hưởng là $58,15m^2$ đất (gồm $40m^2$ đất ở và $18,15m^2$ đất cây lâu năm). Được tính giá trị thành tiền là: 400.490.050đ. Vị trí thửa đất bà được hưởng có tứ cận như sau: phía Tây giáp đường thôn; phía Đông giáp hộ ông Đỗ Xuân Q; phía Nam giáp đất chia cho anh

Đ; phía Bắc giáp phần đất của bà H. Diện tích thửa đất được mô tả tại Thửa số 2 (chi tiết các cạnh có sơ đồ kèm theo), được định vị bởi các mốc từ M 2 đến M3 đến M6 đến M7 đến M2

[10]. Về diện tích đất được chia cho bà H, anh Đ, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà H có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục nhập phần đất của bà được hưởng vào phần đất là tài sản riêng của bà theo qui định và bà H, anh Đ có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa, sang tên theo quy định của pháp luật.

[11]. Đối với công trình vật kiến trúc trên đất: Qua xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 26/4/2022 của Hội đồng thì: Nhà mái bằng diện tích 57,15m² làm từ năm 1997, hiện đã xuống cấp, đã hết khấu hao nên Hội đồng định giá xác định giá trị còn lại là 0 đồng. Do đã hết khấu hao sử dụng, không còn giá trị nên chị H, bà H, chị Hg không yêu cầu phân chia. Tuy nhiên khi phân chia đất, phần nhà này về có bản là nằm trên phần đất chia cho bà H, nên bà H tiếp tục sử dụng, nếu có phần công trình nhà mái bằng này có liên quan đến phần đất chia cho anh Đ thì bà H có trách nhiệm xây ngăn bức tường danh giới giữa hai bên và bà có trách nhiệm xây ngăn danh giới đất và nhà giữa bà với anh Đ được chia khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[12]. Đối với phần di sản là tài sản trên đất gồm bếp, công trình phụ xây năm 2013 trị giá 11.129.000đ. Bán bình lợp tôn xây dựng năm 2013 trị giá 519.000đ. Tổng 11.648.000đ. Phần bà Hải được xác định trong khối tài sản chung của ông D và bà H là $\frac{1}{2}$ cụ thể: 11.648.000đ: 2 = 5.824.000đ. Còn lại 5.824.000đ chia cho 05 kỹ phần mỗi người được hưởng là: 1.164.800đ. Thấy rằng: Về bếp, công trình phụ và bán bình nằm trên phần đất chia cho bà H, nghĩ nên giao bà H tiếp tục quản lý sử dụng và bà có trách nhiệm chèn lại tiền cho các hàng thừa kế được tính 5.824.000đ : 5 người = 1.164.800đ/người. Phần của chị H và chị H không nhận cho bà Hải và bà H có trách nhiệm giao lại cho chị D, anh Đ mỗi người số tiền là 1.164.800đ. Chị D, anh Đ được nhận mỗi người số tiền là 1.164.800đ do bà Hải giao lại.

[13]. Như vậy, phần bà H được hưởng tài sản gồm đất và nhà trị giá là: 400.490.050đ (tiền đất) và 3.494.400đ (tiền tài sản trên đất bao gồm phần của bà H, của chị H và chị H cho bà) = 403.982.450đ. Phần anh Đ được hưởng tài sản gồm đất và số tiền do bà H giao lại trị giá là: 400.886.950 (tiền đất) và 1.164.800đ (giá trị tài sản trên đất do bà Hải bà giao lại) = 402.059.050đ. Phần chị D được hưởng tài sản bằng tiền trị giá là: 200.344.250 (giá trị tiền đất do anh Đ giao lại) và 1.164.800đ (giá trị tài sản trên đất do bà H bà giao lại) = 201.509.050đ.

[14]. Về chi phí tố tụng: Chị H tự nguyện nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chị không có ý kiến và yêu cầu gì, nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện của chị, nên không xét

[15]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 147 BLTTDS; điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội; điểm b, c, 1.3 mục 1 phần II, A. Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết. Bà H, anh Đ, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Cụ thể bà Hải được hưởng là: 403.982.450đ, số tiền án phí bà phải chịu được tính là 20.159.298đ. Phần anh Đạt được hưởng 402.059.050đ, số tiền án phí anh phải

chịu được tính là 20.082.070đ. Phần chi D được hưởng 201.509.050đ, số tiền án phí chi phải chịu được tính là 10.075.452đ. Do chị Bùi Thị H từ chối nhận di sản thừa kế và không hưởng di sản thừa kế, nên số tiền tạm ứng án phí là 825.000đ chị đã nộp tại thi hành án dân sự huyện Q theo biên lai thu số 0009258 ngày 22/11/2021 sẽ được trả lại cho chị H.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5; khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 147; Điều 199; Điều 200; Điều 273; Điều 280 BLTTDS. Điều 213; Điều 610, Điều 611; Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649; điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651; Điều 660; điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS 2015; Điều 33 Luật HNGĐ năm 2014. Điều 6; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; điểm b, c, 1.3 mục 1 phần II, A. Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của chị Bùi Thị H.
- Xác định phần diện tích đất của bà Lê Thị H trong khối tài sản chung của ông Bùi Văn D là: 163,75m² (trong đó, gồm 100m² đất ở và 63,75m² đất cây lâu năm) tại địa chỉ phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 989806 đã được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/7/2008 mang tên ông Bùi Văn D và bà Lê Thị H tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7. Vị trí thửa đất của bà H nằm ở phía Bắc mảnh đất, có tứ cận như sau: phía Tây giáp đường thôn; phía Đông giáp hộ ông Đỗ Xuân Q; phía Nam giáp đất chia cho bà được hưởng theo phần thừa kế; phía Bắc giáp hộ ông Bùi Sỹ V. Diện tích thửa đất được mô tả tại Thửa số 1 (chi tiết các cạnh có sơ đồ kèm theo), được định vị bởi các mốc từ M3 đến M4 đến M5 đến M6 đến M3.

- Công nhận di sản của ông Bùi Văn D mất đi để lại là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ phố Đ, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vị trí thửa đất nằm ở phía Nam mảnh đất, diện tích 163,75m² (trong đó, gồm 100m² đất ở và 63,75m² đất cây lâu năm) có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 989806 đã được UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/7/2008 mang tên ông Bùi Văn Dg và bà Lê Thị H tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7.

- Xác định người thừa kế của ông Bùi Văn D gồm: bà Lê Thị H, chị Bùi Thị D, Bùi Thị H, Bùi Thị H và Bùi Văn Đ, chia mỗi người được hưởng 32,75m² đất (trong đó, gồm 20m² đất ở và 12,75m² đất cây lâu năm).

- Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H về việc tặng cho kỷ phần của mình được hưởng từ ông Bùi Văn D cho anh Bùi Văn Đ là 32,75m² đất (trong đó, gồm 20m² đất ở và 12,75m² đất cây lâu năm).

- Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H về việc tặng cho kỷ phần của mình được hưởng từ ông Bùi Văn D cho anh Bùi Văn Đ là 7,35m² đất cây lâu năm và chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H về việc tặng cho kỷ phần của

mình được hưởng từ ông Bùi Văn Đ cho bà Lê Thị H là 25,40m² đất (trong đó, gồm 20m² đất ở và 5,40m² đất cây lâu năm).

- Chia cho anh Bùi Văn Đ được hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất bao gồm: Phần của anh được hưởng là 32,75m² đất (trong đó, gồm 20m² đất ở và 12,75m² đất cây lâu năm), phần đất của chị H tự nguyện cho anh là 32,75m² đất (trong đó, gồm 20m² đất ở và 12,75m² đất cây lâu năm), phần đất của chị H tự nguyện cho anh là 7,35m² đất cây lâu năm anh và 32,75m² đất (trong đó, gồm 20m² đất ở và 12,75m² đất cây lâu năm) kỹ phần đất của chị D giao cho anh. Tổng anh được hưởng là 105,60m² đất (trong đó, gồm 60m² đất ở và 45,60m² đất cây lâu năm).

Anh Đ phải có trách nhiệm giao lại cho chị Bùi Thị D số tiền 200.344.250đ giá trị bằng tiền của phần đất chia cho chị D mà anh được hưởng. Chị Bùi Thị D được nhận lại số tiền 200.344.250đ do anh Đat giao lại.

Vị trí thửa đất giao cho anh Đ được hưởng nằm ở phía Nam mảnh đất, có tứ cận như sau: phía Tây giáp đường thôn; phía Đông giáp hộ ông Đỗ Xuân Q; phía Nam giáp đất hộ ông Phan Đình T; phía Bắc giáp phần đất bà H được hưởng. Diện tích thửa đất được mô tả tại Thửa số 3 (chi tiết các cạnh có sơ đồ kèm theo), được định vị bởi các mốc từ M1 đến M2 đến M7, đến M8, đến M1. Giá trị thành tiền anh Đat được hưởng là 400.886.950đ.

- Chia cho bà H được hưởng di sản thừa kế quyền sử dụng đất bao gồm: phần của bà được hưởng 32,75m² đất (gồm 20m² đất ở và 12,75m² đất cây lâu năm) và phần chị H cho bà 25,40m² đất (trong đó, gồm 20m² đất ở và 5,40m² đất cây lâu năm). Tổng bà được hưởng là 58,15m² đất (gồm 40m² đất ở và 18,15m² đất cây lâu năm). Được tính giá trị thành tiền là: 400.490.050đ. Vị trí thửa đất bà được hưởng có tứ cận như sau: phía Tây giáp đường thôn; phía Đông giáp hộ ông Đỗ Xuân Q; phía Nam giáp đất chia cho anh Đ; phía Bắc giáp phần đất của bà H. Diện tích thửa đất được mô tả tại Thửa số 2 (chi tiết các cạnh có sơ đồ kèm theo), được định vị bởi các mốc từ M 2 đến M3 đến M6 đến M7 đến M2.

- Về diện tích đất được chia cho bà H và anh Đ, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà H có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục nhập phần đất của bà được hưởng vào phần đất là tài sản riêng của bà theo qui định và bà H, anh Đ có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa, sang tên theo quy định của pháp luật.

- Bà Lê Thị H có trách nhiệm xây ngăn danh giới nhà và đất giữa bà với anh Đ được chia khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Dành quyền cho chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn Đ được quyền yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất tại B và đất ruộng trong một vụ án khác khi có đơn yêu cầu và có đầy đủ chứng cứ.

+ **Về tài sản trên đất:** Công nhận di sản là tài sản trên đất của ông Bùi Văn Đ để lại tổng trị giá là 5.824.000đ, chia cho bà Lê Thị H, chị Bùi Thị D, chị Bùi Thị H, chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Đ mỗi người được hưởng là 1.164.800đ.

- Về công trình nhà, bếp, công trình phụ và bán bình nằm trên phần đất của bà Hải và phần đất chia cho bà Hải, giao bà Hải tiếp tục quản lý sử dụng và bà

có trách nhiệm giao lại tiền cho các hàng thừa kế gồm: chị Bùi Thị D, chị Bùi Thị H, chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Đ mỗi người được là 1.164.800đ.

- Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H, chị Bùi Thị H không nhận số tiền được hưởng mỗi người là 1.164.800đ và tự nguyện cho bà H. Bà H được hưởng giá trị tài sản do chị H, chị H cho bà và phần của bà tổng là 3.494.400đ.

- Bà Lê Thị H có trách nhiệm giao lại cho chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn Đ mỗi người số tiền là 1.164.800đ. Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn Đ mỗi người được nhận lại số tiền là 1.164.800đ do bà Lê Thị H giao lại.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị D, anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà H phải giao lại cho chị D và anh Đ; chị D có đơn thi hành án đối với số tiền anh Đ phải giao lại cho chị D, nếu anh Đ, bà H không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi xuất qui định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

*** Về án phí dân sự có giá ngạch:** Bà Lê Thị H phải chịu án phí được tính là 20.159.298đ (làm tròn số 20.159.000đ). Anh Bùi Văn Đ chịu án phí được tính là 20.082.070đ (làm tròn số 20.082.000đ). Chị Bùi Thị D chịu án phí được tính là 10.075.452đ (làm tròn số 10.075.000đ).

Trả lại cho chị Bùi Thị H số tiền tạm ứng án phí là 825.000đ chị đã nộp tại thi hành án dân sự huyện Q theo biên lai thu số 0009258 ngày 22/11/2021

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người đ-ợc thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bên đương sự, báo cho các bên biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Các đ-ơng sự
- Thi hành án DS huyện Q
- VKS ND huyện Q
- L- u hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Thị Huyền

